

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ SAN THÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 23/QĐ-UBND

San Thàng, ngày 06 tháng 01 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

V/v Giao thu - chi ngân sách địa phương năm 2020

### ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SAN THÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND thành phố Lai Châu về việc Giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 220/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của HĐND xã San Thàng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; Thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao thu, chi ngân sách cho các ban ngành đoàn thể UBND xã San Thàng (Có biểu chi tiết kèm theo).

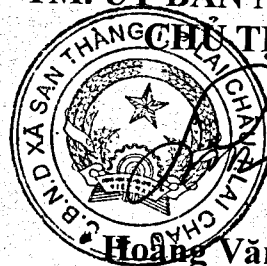
**Điều 2.** Căn cứ vào quyết định này, cán bộ, công chức, các ban ngành đoàn thể xã có trách nhiệm triển khai thực hiện. Thời gian thực hiện xong trước ngày 20/12/2020, các ban ngành đoàn thể nào không thực hiện nhiệm vụ chi phải chịu trách nhiệm trước lãnh đạo UBND xã. Sau ngày 20/12/2020 công chức Tài chính - kế toán có trách nhiệm rà soát tổng hợp các nhiệm vụ chi ngân sách nào không có nhiệm vụ chi hoặc chi không hết để hoàn trả ngân sách thành phố đúng theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Công chức Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán, cán bộ, công chức và các ban ngành đoàn thể xã San Thàng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

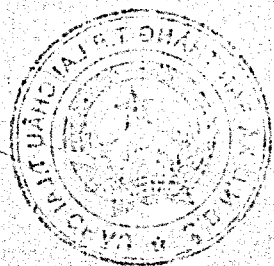
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Sinh



## BIỂU TỔNG HỢP THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

Kèm theo Quyết định số: 23/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 của UBND xã Sơn Thành

ĐVT: Đồng

STT	Nội Dung	Số tiền	Giao cho các ban ngành
A	<b>Tổng thu ngân sách địa phương</b>	<b>5.224.000.000</b>	
	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã	328.000.000	
I	<b>Thu NSNN trên địa bàn xã hưởng</b>	<b>141.000.000</b>	
	<b>1 Thu phí, lệ phí theo tỷ lệ phân chia</b>	<b>133.000.000</b>	
	Thu lệ phí trước bạ, đất (Xã hưởng)	105.000.000	UBND xã kết hợp với Cơ quan thuế thành phố thu
	Thu lệ phí trước bạ, đất (TP hưởng)	45.000.000	UBND xã kết hợp với Cơ quan thuế thành phố thu
	Thu lệ phí môn bài (Xã hưởng)	28.000.000	UBND xã kết hợp với Cơ quan thuế thành phố thu
	Thu lệ phí môn bài (TP hưởng)	12.000.000	UBND xã kết hợp với Cơ quan thuế thành phố thu
	<b>2 Thu phí, lệ phí NS xã hưởng 100%</b>	<b>8.000.000</b>	
3	Thu khác ngân sách (Phí chứng thực, Phạt vi phạm hành chính, ANTT...)	8.000.000	Bộ phận một cửa, Công chức ĐC-XD-MT-ĐT-ĐĐ, Công an xã
	<b>Thu hoạt động chợ</b>	<b>130.000.000</b>	Các ban ngành, công chức xã, kế toán tham mưu
	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>5.083.000.000</b>	<b>Công chức Tài Chính - kế toán</b>
B	<b>Chi ngân sách địa phương</b>	<b>5.224.000.000</b>	
	<b>I Chi Cân đối ngân sách</b>	<b>5.173.000.000</b>	
1.1	Nguồn 13: Dự toán giao thực hiện chế độ tự chủ theo ND130/-CP và dự toán giao thường xuyên theo ND 16/ND-CP	<b>2.156.000.000</b>	
		1.876.000.000	Các ban ngành, công chức xã, kế toán tham mưu
		270.000.000	Các ban ngành, công chức xã, kế toán tham mưu
		10.000.000	Các ban ngành, công chức xã, kế toán tham mưu
1.1.1	Quỹ lương cán bộ chuyên trách, BHXH		
1.1.2	Chi thường xuyên		
1.1.3	Giao tiết kiệm chi thường xuyên		



STT	Nội Dung	Số tiền	Giao cho các ban ngành
I.2	<b>Nguồn 12: Dự toán giao không thực hiện chế độ tự chủ theo ND 130/ND - CP, dự toán giao không thường xuyên theo ND16/ND-CP</b>	<b>3.017.000.000</b>	
2.1	Phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách	1.122.000.000	Công chức kế toán xã tham mưu
2.2	Kinh phí ban thanh tra nhân dân giám sát cộng đồng	5.000.000	Ban Thanh tra nhân dân, CC kế toán tham mưu
2.3	Kinh phí thực hiện QĐ 99	119.000.000	Văn phòng đảng ủy, CC kế toán
2.4	Chi hoạt động cụm dân cư	40.000.000	CC Văn hóa xã hội xã, CC kế toán tham mưu
2.5	Kinh phí thực hiện cải cách hành chính, tuyên truyền phổ biến GDPL, trang bị tủ sách pháp luật, hoạt động hòa giải cơ sở, hỗ trợ cán bộ trực một cửa, giải quyết đơn thư tiếp công dân	56.000.000	CC tư pháp, CC văn phòng, CC kế toán tham mưu
2.6	Hỗ trợ kinh phí tham gia ngày hội văn hóa các dân tộc	15.000.000	CC văn hóa xã hội, kế toán tham mưu
2.7	Hoạt động tổ dân vận	5.000.000	Chủ tịch MTTQ, CC kế toán tham mưu
2.8	BCĐ TD ĐKXD ĐSVH, đô thị văn minh	20.000.000	Chủ tịch MTTQ, CC kế toán tham mưu
2.9	Mừng thọ, chăm sóc người cao tuổi	24.000.000	Chủ tịch hội người cao tuổi, CC kế toán tham mưu
2.10	Kinh phí dân quân, tự vệ	107.000.000	Xã đội trưởng, CC kế toán tham mưu
2.11	Tiền điện, sửa chữa các cụm loa truyền thanh không dây	20.000.000	CC Văn hóa xã hội, CC kế toán tham mưu
2.12	Hỗ trợ thêm kinh phí văn hóa thể thao	20.000.000	CC Văn hóa xã hội, CC kế toán tham mưu
2.13	BCĐ công tác tôn giáo, quy chế dân chủ	19.000.000	Chủ tịch MTTQ, CC văn phòng Đảng ủy, CC kế toán tham mưu
2.14	Hỗ trợ tổ chức hội nghị điển hình tiên tiến tới Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Lai Châu	20.000.000	CC văn phòng UBND, CC kế toán tham mưu
2.15	Hỗ trợ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	4.000.000	Chủ tịch MTTQ, CC kế toán tham mưu
2.16	Kinh phí miễn thu thủy lợi phí	483.000.000	CC địa chính xây dựng, Đ/C giao thông thủy lợi, kế toán tham mưu
2.17	Kinh phí luân chuyển cán bộ theo NQ số 11*2019/NQ-HĐND	21.000.000	CC địa chính xây dựng, CC kế toán tham mưu
2.18	Kinh phí Duy trì bản sắc dân tộc Giáy, tổ chức lễ hội	55.000.000	CC Văn hóa xã hội, CC kế toán tham mưu





STT	Nội Dung	Số tiền	Giao cho các ban ngành
2.19	Kinh phí UVBCH	81.000.000	CC kế toán tham mưu
2.20	Hỗ trợ đội văn nghệ thôn bản (Thực hiện đề án 241-QĐ/TU)	22.000.000	CC văn hóa - xã hội, kế toán tham mưu
2.21	Hưu trí	21.000.000	CC kế toán tham mưu
2.22	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo QĐ 29/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh	240.000.000	CC địa chính nông nghiệp, kế toán tham mưu
2.23	KP hỗ trợ tổ vệ sinh môi trường	120.000.000	CC địa chính xây dựng, kế toán tham mưu
2.24	Kinh phí thực hiện NQ 45/2016/HĐND	50.000.000	Đ/C Phó chủ tịch HĐND, CC kế toán tham mưu
2.25	Giao tiết kiệm chi không thường xuyên (BCĐ công tác tôn giáo, quy chế dân chủ 1tr; Kinh phí duy trì bản sắc dân tộc Giấy, tổ chức lễ hội: 5tr)	6.000.000	Các ban ngành, công chức xã, kế toán tham mưu
2.26	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa nhà văn hoá xã, sửa chữa nhà văn hoá bản Lũng Than, Bản Xéo Sín Chải xã San Thàng	250.000.000	CC Địa chính xây dựng, công chức xã, kế toán tham mưu
2.27	Kinh phí thực hiện pháp lệnh Công an xã	29.000.000	Các ban ngành, công chức xã, kế toán tham mưu
2.28	Kinh phí chi trả phụ cấp thâm niên, phụ cấp đặc thù theo Nghị định số 03/NĐ-CP	43.000.000	Các ban ngành, công chức xã, kế toán tham mưu
<b>II</b>	<b>Chi chương trình mục tiêu</b>	<b>3.000.000</b>	
1	KP Ban chỉ đạo giảm nghèo (Nguồn vốn CTMTQG giảm nghèo bền vững)	3.000.000	CC Văn hóa LĐTBXH, CC kế toán tham mưu
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>48.000.000</b>	<b>CC kế toán tham mưu</b>

PHILIPINES